

# ĐỊNH PHẠM CỦA NGÔN NGỮ TRONG HIỆN ĐẠI

Tiểu Đỉnh

Con người bắt đầu có ngôn ngữ từ bao giờ?

Suốt thời lượng khoảng chừng sáu triệu năm tiến hóa từ một (hay nhiều) loài linh trưởng để thành con người cho đến nay, chưa nơi đâu có câu trả lời dứt khoát cho nghi vấn này. Các bằng chứng về cội nguồn của tiếng nói loài người cho đến nay không được là bao. Vào năm 1886, Hội Ngôn Ngữ học ở Pháp (Linguistic Society of Paris) quyết định để ngoài nghị trình thường xuyên của mình mọi bàn cãi liên quan đến ngôn ngữ. Mãi cho đến 1990, một số chuyên viên về các ngành khảo cổ, tâm lý, nhân chủng, hóa thạch ngồi lại với nhau. Ý kiến chung là nên giúp các ngôn ngữ gia khỏi phải ôm đồm một đề tài mới mẻ, vừa rắc rối vừa khó hơn mọi ngành khoa học khác. Về mặt lý thuyết, khoa học vật lý nhìn hiện tượng trong thiên nhiên rồi đúc kết thành những qui luật chung cho từng bộ môn cá biệt trong vũ trụ thường xuyên giản nở. Trong khi đó, giống như văn hóa, ngôn ngữ đi từ bản thân con người. Nó có những thăng trầm không theo định luật vật lý; nó có những biến dạng, và nó phải thường xuyên được bổ sung từ vựng để tự tồn theo qui luật mạnh được yếu thua. Và đây là bi kịch có thể làm biến thái cả một dân tộc về mặt đời sống tức là văn hóa. Và rồi danh xưng quốc gia của nhiều nơi trên thế giới, về mặt nào đó, chỉ còn là cái tên gọi không còn bản sắc, nếu không biến mất trên bản đồ.

Môn ngữ học có nhiều từ vựng chuyên ngành do các ngôn ngữ gia nặn ra để dùng<sup>[1]</sup>. Những chữ mới đó thường không được giảng dạy cận kề ở bậc Trung học. Việc này khiến học sinh tốt nghiệp cảm thấy ngần ngại trước khi chọn ngôn ngữ làm môn học cao hơn. Kể đó là chứng chỉ tốt nghiệp ngữ học không giúp tìm việc làm có lương bổng hậu, ngoại trừ nghề dạy học tại một số trường mà sinh viên theo học cũng tương đối khiêm nhượng so với các khoa học khác. Chưa kể các thông số mới về khảo cổ liên quan đến ngữ học thì ngày càng nhiều, và chúng thường làm thay đổi hầu như toàn bộ cái nhìn ngữ học có từ trước. Ngoài ra, trong thực tế, chức năng của ngôn ngữ cũng như văn hóa, chỉ là hỗ trợ cho cứu cánh của cuộc tiến hóa nhân loại, tức là đời sống và phúc lợi của con người. Khi thế giới theo luật vận hành chung mà tiến vào chủ nghĩa toàn cầu thì con người không còn thuần chủng, văn hóa trở thành đa dạng (cultural chameleon), và tiếp theo đó là ngôn ngữ khó thể giữ được nguyên hình trạng.

Sở dĩ có sự biến hóa (mutation) này là vì khoa học không gian vào thế kỷ 21 đã giúp con người có viễn cảnh mới về vũ trụ. Địa cầu vốn mệnh mông với tầm nhìn trước kia của con người, nay bỗng trở thành một ngôi làng chung với ngôn ngữ mang màu sắc kỹ thuật mới, xa lạ với những ngôn ngữ thông dụng trong nhiều thế hệ trước. Trong bối cảnh ngôn ngữ này, một hệ tiếng viết tắt, còn gọi là *đầu tự ngữ* (acronym) được thành hình (Phụ đính III); số tiếng này nhiều đến hàng nhiều ngàn chữ, phải in thành tự điển riêng. Chúng mang hình thức kỳ lạ đến nỗi có người gọi đó là “chữ nghĩa cám xú” (alphabet soup). Thế nhưng, thực tế mà nói, giới trẻ ngày nay sử dụng tiếng viết tắt loại này trong giao tiếp với nhau trên máy tính đa năng, trung bình là ba ngàn lần trong tháng. Cách làm câu so với trước cũng ngắn gọn như tiếng chim hót (tweet) và cũng không cần mẹo luật. Từng ngày và từng ngày, tình trạng này vô tình khiến cú pháp cũng như ngữ nghĩa của từ vựng thông dụng trước giờ phải bị bỏ lại phía sau. Hệ quả tất nhiên là trong vài thế hệ kế tiếp, ngôn ngữ cũ sẽ lần hồi đi vào quên lãng.

Sự vắng bóng của ngôn ngữ thường được hiểu theo ba cách. Một là nó trở thành cổ ngữ (archaic language) như một lưu tích ngôn ngữ (linguistic relic) bất di bất dịch. Hai là nó thành tử ngữ (dead language) giấu mặt tại một địa phương nào không ai biết đến nữa. Ba là nó đang hấp hối (moribund). Cổ ngữ là tiếng nói trong hiện tại chỉ còn được sử dụng trong một vài định chế tôn giáo. Trong số cổ ngữ trên thế giới có tiếng Hebrew [2], tiếng Latin, tiếng Pali, tiếng Esperanto, và hơn sáu ngàn thổ ngữ của các bộ lạc khác nhau trên toàn cầu. Tiếng Latin từ lâu chỉ có Tòa Thánh Vatican còn sử dụng như một thứ ngôn ngữ chung (lingua franca) giữa các tu sĩ Công giáo thế giới; gần y như tiếng Pali dành cho tu sĩ Phật giáo. Tiếng Esperanto thì nay may ra chỉ còn cái tên gọi. Điều này giống như con người một khi sinh ra thì phải chịu luật sinh, lão, hoại, và tử. Luật này áp dụng cho cả tính tú và tính cầu trong đó có con người. Cổ ngữ nay đang ở giai đoạn *lão*.

Theo Michael E. Krass [3] thì sinh mệnh một ngôn ngữ thường gặp một trong những tình trạng như: an toàn, đang lâm nguy, bị hăm dọa nặng nề, hay đang cơn hấp hối. Ngôn ngữ được xem là an toàn khi nó có triển vọng còn được sử dụng trong vòng 100 năm. Khi con trẻ chỉ dùng ngôn ngữ của mình trong gia đình mà không dùng nó ngoài xã hội (như tình trạng của tiếng Việt hải ngoại nhiều nơi hiện nay tại Hoa Kỳ) thì ngôn ngữ đó bị xem như đang lâm nguy. Và khi ngôn ngữ chỉ còn là phương tiện truyền đạt giữa các người thuộc thế hệ già nua với nhau thì nó thành bị hăm dọa thật sự. Nói chung thì khi một ngôn ngữ không còn được trẻ con dùng trong cuộc sống hàng ngày thì dù số người lớn hiện đang sử dụng nó có nhiều bao nhiêu, ngôn ngữ đó phải bị xem là đang hấp hối, và sẽ biến đi trong tương lai có thể thấy được [4]. Còn những thổ ngữ của các bộ lạc thiểu số có từ *một* [5] đến vài trăm ngàn thành viên thì xem như số phận đã được an bài.

Có không ít nơi, sự an bài này xảy đến theo cái lý mạnh được yếu thua. Max Weinreich, ngôn ngữ gia, có làm một so sánh khá ngộ nghĩnh khi ông ví ngôn ngữ như một đạo binh có trang bị đầy đủ Hải, Lục, Không quân và những binh chủng phụ thuộc. Bộ ba Hải Lục Không quân này là phần đặc dụng ngoại bì (extrinsic efficiency), được tượng trưng bằng trữ lượng từ vựng dồi dào, thức thời, và tiện dụng. Ngôn ngữ nào có phần ngoại bì với đặc tính này thì được xem là ngôn ngữ mạnh. Thiếu thì là ngôn ngữ yếu. Thực tế cho thấy tại một đất nước có sự giao lưu giữa hai ngôn ngữ thì sẽ xảy ra việc pha trộn tất nhiên từ một ngôn ngữ mạnh vào ngôn ngữ yếu, giống như nước biển khi gặp nước sông thì tự nhiên có sự pha trộn hai thành phần mặn và ngọt để tạo ra một hay nhiều hợp chất mới gọi chung là “nước lợ.” Hệ quả đầu tiên của sự pha trộn ngôn ngữ này là tiếng bồi, tiếng mậu dịch hay thô ngữ (pidgin), và tiếng lai căn (creole).

Tiếng bồi là tiếng người dân bản địa vừa nhái giọng nói của người nước ngoài, vừa ra điệu bộ (sign language) cốt cho hai bên hiểu ý chính của câu nói mà không cần văn phạm. Thời Hán thuộc, tiếng *Hiết* (歇) của Hán tự nghĩa là chấm dứt, thì ta đọc là *Hết*, tiếng *Bài* (俳) nghĩa *Bài hát* trong *Bài* (cú) thì ta đọc là *Bài* (*ca*) hay *Bài* (*học*), tiếng *Dan* (單) ta đọc thành *Đon.*, tiếng *Bá* (伯) ta đọc thành *Bác*. Thời Pháp thuộc, tại Việt Nam có tiếng nhái giọng Pháp như: *ca ve* (cavalière), *tà lú* (talut), *ghi đông* (guidon), *me xừ* (Monsieur), *toa* (toi), *mỏa* (moa), *bổ cu* (beaucoup), *mỏ dến* (moyen), *đọt mia* (dormir) và nhiều nữa. Cụ thể tại miền Nam Việt Nam cuối thập niên 30 có một bé trai làm bồi giúp việc nhà cho ông chủ người Pháp tại tỉnh lẻ. Một hôm ông chủ có việc đi Sài Gòn vài ngày. Lúc chủ vắng nhà thì có ông khách tên Paul đến tìm để đưa cho ông chủ một phong thư từ Pháp gửi sang. Khi ông chủ về thì em cầm phong thư,

vừa nói câu với ý Việt, “ *Lúc ông ở Sài Gòn thì ông Paul đến trao thư của bà nhà từ Pháp gửi sang* [6].” Với giọng “bồi,” em nói tiếng Pháp, tiếng dùng thường ngày của ông chủ, như sau: “ *Toa par-tia Sai-Gon, me- xừ Bôn vơ-nia do- nê lét đờ toa phăm*” (Toi partir Saigon, Monsieur Paul venir donner lettre de toi femme). Câu nói kiểu bồi này có 11 tiếng. Thế nhưng, khi nhìn thấy bức thư đóng dấu từ Pháp, ông chủ chỉ cần nghe được ba tiếng *Paul, lettre, và femme* là ông hiểu nghĩa của toàn bộ câu nói.

Gần giống như trên, tiếng mậu dịch, còn gọi là thô ngữ (Pidgin hay Pigeon [7]), là tiếng bồi, nhưng có pha lẫn tiếng của hai bên. Nó có nguồn gốc từ khoảng thế kỷ 5 và 6 công nguyên. Vào thời này, các nước chung quanh Địa Trung Hải như Hy Lạp, Ý, Pháp, Bắc Phi, Phenician [8], Sicilia, Ả rập bắt đầu đóng thuyền liên lạc giao thương với nhau mà địa danh Carthage (Tunisia) và Marseille (Pháp) có thương cảng quan trọng. Các lái thương thuộc hai quốc gia với ngôn ngữ khác nhau khi đến làm ăn buôn bán qua lại, bắt buộc phải nghĩ cách để tiếp xúc với nhau bằng những câu nói *nửa nạt nửa mỡ*. Nếu có ba người từ ba nơi với tiếng nói khác nhau thì tiếng nửa nạt nửa mỡ sẽ pha thêm phần da, hay xương xẩu. Vào giữa thế kỷ 19, người Anh sau khi kiểm soát Ấn Độ (Thế kỷ 17) thì tiến về Hong Kong – Thượng Hải, mở thương điểm tiến hành mậu dịch với Trung Hoa.

*Pidgin* là phiên âm tiếng *Business* trong tiếng Anh bằng giọng Quảng Đông. Tại các thương cảng nói ở đoạn trên, khi hai khách thương người Anh và người Trung hoa bắt đầu tiếp xúc làm ăn buôn bán thì thô ngữ loại *Pidgin* xuất hiện. Ngôn ngữ này chỉ được dùng tại các thương cảng. Nó có hình dạng *Đầu Ngô mình Sở* tương tự như những ngôn ngữ xuất hiện vào giữa thế kỷ 20 tại vùng ảnh hưởng tiếng Anh-Mỹ dưới tên gọi là Singlish, Japlish, Spanglish, và Boatlish [9].... Khi có nhiều ngôn ngữ được dùng tại một địa phương thì *pidgin* sẽ có sự pha lẫn từ vựng của nhiều ngôn ngữ cùng một lúc [10].

Xét theo hình thức, tạp ngữ hay tiếng mậu dịch (*pidgin*) là giống như *tiếng Nôm pha lẫn tiếng Hán* tổ tiên người Việt Nam sử dụng suốt thời bị Trung Hoa đô hộ gần ngàn năm từ thế kỷ 1 trước công nguyên đến thế kỷ thứ 10 sau công nguyên (Thời Lê Lợi đại phá quân Minh). Giới sĩ phu ta từ đầu cho đến cuối thế kỷ 18, sinh hoạt toàn thời với chữ Hán, đã xem tiếng Nôm là *Nôm na cha mách qué*, nên không dùng. Trong khi đó, các cựu thuộc địa của Anh và Pháp trong vùng Tây Đại Tây Dương, kể luôn những vùng lúa gạo tại bờ Đông nước Hoa Kỳ, là nơi có số đông người từ nhiều bộ lạc Phi Châu bị bán sang hồi thế kỷ 17 thì không thể. Vì các bộ lạc không thống nhất được ngôn ngữ với nhau nên tiếng mậu dịch biến thành tiếng lai căn (*Creole*) để dùng trong sinh hoạt hàng ngày với người nước ngoài mà không nhất thiết do nhu cầu buôn bán. Ý chính ở đây là *pidgin* dùng cục bộ tại từng vùng có buôn bán đổi chác biến thành *creole* dùng chung cho cả nước. Nơi nào ngoại ngữ giữ phần trọng yếu trong đời sống thì tiếng lai căn (*creole*) đứng trước tên gọi của ngôn ngữ đó, thí dụ: *creole-French, creole-English*....

Theo nghĩa này, tại một vài địa phương chịu ảnh hưởng tiếng Anh, câu “ *I do not know,*” trong Anh ngữ biến thành “ *I dunno,*” nghe lạ tai nhưng không sai nghĩa. Khi đến Bắc Kinh, một người Mỹ vào hiệu bán y phục phụ nữ nói: “ *Buy cheong-san,*” (Mua *cheong san*) thì người bán nghe tiếng *cheong-san* thì hiểu là ông khách muốn mua một áo *xường xám* phát âm theo giọng Quan thoại. Nếu một người Pháp đến Tokyo vào quán cóc nói: “ *Parler mama-san,*” (Muốn nói chuyện với *mama-san*) thì người nghe liền biết ông này muốn nói chuyện với bà chủ. Sự pha trộn

ngôn ngữ theo kiểu tự nhiên này giúp cho hai bên hiểu nhau đến mức có thể chấp nhận được. Ở Việt Nam trước 1975, vào khu Chợ Lớn, bước vô tiệm nước của người Trung Hoa, nói “ Ê, cho ly *xít xủi xí phé*,” là người bồi bàn gốc Quảng Đông biết người nói muốn một ly *cà phê đá*. Khi hiểu được nghĩa của nhóm “*xít xủi xí phé*” thì người nghe có thể suy luận ra nghĩa của ba tiếng kia là *Ê, cho, và ly*. Với cách suy diễn này, khi nghe người Việt Nam nói, “*Nị côn tài hòa là ông bà pá nị nha,*” thì người Trung Hoa nói tiếng Quảng Đông nghe biết đó có câu nói như rủa “*Anh nói láo với tôi là ông bà về bắt anh đó.*”

Giống như trên, vùng duyên hải của hai bang South Carolina và Georgia Hoa Kỳ có tiếng lai căn Gullah[11], ngôn ngữ của khoảng 250,000 dân da màu. Tiếng nói này xuất thân từ Anh ngữ (creole English). Tại Cộng hòa Quadaloupe thì có tiếng lai căn Pháp (Creole French)[12] (Phụ đính I, Bản B), Cộng hòa Curaçao có Papiamentu (creole Spanish and Portugese). Dân tại đảo quốc Suriname ở gần bờ Bắc Nam Mỹ dùng tiếng Samaraccan (Samaraccan creole) gồm từ vựng rút ra từ tiếng Bồ, Anh, Hòa Lan nhưng phát âm với giọng Phi Châu, với ngữ pháp giữ theo ngôn ngữ văn hóa địa phương, xa lạ với ngữ pháp của ngôn ngữ khách. Nói khác, tiếng lai căn có hồn thổ ngữ nhưng xác là vay mượn từ tiếng nước ngoài là phần lớn.

Xứ Papua New Guinea gần Nam Dương quần đảo có khoảng 5.5 triệu dân nhưng có đến 715 ngôn ngữ bộ lạc. Những ngôn ngữ bộ lạc này chỉ được dùng giữa người trong cùng bộ lạc với nhau, người bên ngoài không hiểu được, nên nó tự nhiên thành tử ngữ dưới mắt cộng đồng thế giới. Ngôn ngữ chính ở đây là Anh ngữ và tiếng mật dịch (pidgin), tức là tạp ngữ nửa Anh ngữ nửa thổ ngữ. Đông Timor, một cựu thuộc địa của Bồ Đào Nha, dùng tiếng Bồ làm ngôn ngữ chính. Tại những hải đảo khác trong vùng thì Anh ngữ là tiếng nói chính thức song hành với tiếng tạp ngữ gồm thổ ngữ pha lẫn tiếng Anh và tiếng địa phương. Tại lục địa Phi châu, nơi phần lớn thổ nhưỡng và con người bản địa thường thiếu sự nương tựa lẫn nhau để phát triển thì hiện tượng cải hoán ngôn ngữ hiện ra rõ nhất.

World Almanac 2006 (Xem Phụ đính I) cho biết tại lục địa Phi Châu có 44 nước từng là cựu thuộc địa của Anh, Pháp và Bồ Đào Nha. Về ngôn ngữ thì toàn bộ Châu phi có hai vùng ngôn ngữ chính. Vùng cực Bắc gồm các nước Morocco, Algeria, Tunisia, Libya, Egypt nằm sát bờ Nam của Địa Trung Hải từ vĩ tuyến 20° Bắc trở lên phía Bắc. Các nơi này còn giữ ngôn ngữ Ả Rập nguyên thủy của mình làm ngôn ngữ chính thức. Tiếng Pháp hay tiếng Anh cực thịnh thời thuộc địa cũ tại các nước này thì đến đầu giữa thế kỷ 20 (1947), đã bắt đầu lui vào hàng thứ yếu. Thế nhưng, khi bước qua vùng toàn sa mạc kế tiếp để tiến về Nam đến vùng Trung Phi rồi Nam Phi thì có sự đổi khác.

Tính từ vĩ tuyến 20° Bắc trở xuống đến vĩ tuyến 18° Nam sau khi băng qua đường xích đạo, thì có 34 quốc gia. Trong số này có đến 16 quốc gia chọn tiếng Anh làm ngôn ngữ chính, 15 nơi dùng ngôn ngữ Pháp, ba dùng ngôn ngữ Bồ, và một dùng thổ ngữ của mình là tiếng Somali [13]. Nghĩa là ở tại vùng này, các ngôn ngữ bộ lạc quá yếu để có thể kết hợp với nhau thành ngôn ngữ chung —riêng ba nước Nigeria, Chad, Congo nhập lại có đến hơn 600 bộ lạc, mỗi bộ lạc có ngôn ngữ riêng của mình. Do thế mà để có một ngôn ngữ thống nhất, các nơi này không lựa chọn nào khác là nhận tiếng của nước từng là mẫu quốc, tiếng có thể mạnh (so với thổ ngữ địa phương) làm tiếng nói của mình. Người dân ở đây cho đó là lựa chọn tốt nhất, dù biết

rằng một khi phải dùng ngôn ngữ ngoại lai trong trường hợp như trên, lối suy tư của họ phải bắt buộc thay đổi theo chiều hướng khác của tổ tiên từ nhiều đời.

Đến cuối thế kỷ 19, người Pháp có mặt ở Việt Nam với tiếng nói và văn hóa của họ trên dưới 50 năm. Nhiều sĩ tử Việt Nam bỏ chữ Hán sang học tiếng Pháp để được bổ nhiệm chức thầy thông, thầy ký, cả chức huyện và phủ, có khi còn cả tổng đốc. Những ông quan đời mới này *quen dùng tiếng Pháp* rồi sống với văn hóa Pháp, có khi còn đi xa hơn người Pháp. Qua bài thơ *Nho hàn*, Tú Xương (1870-1907) một cách nhẹ nhàng cho những vị quan này đã quen với “tối rượu xăm-banh sáng sữa bò.” Nhưng thực tế hơn, theo lời kể có ghi vào văn bản của cụ Nguyễn quý Đức (1904-1991), một cựu quan huyện đáng kính thời 1930 thì những người công bộc này chỉ đọc báo Pháp, nói tiếng Pháp, uống rượu Pháp, nhảy đầm, hút xách, trác táng, tổ chức đi săn qua đêm với quan người Pháp rồi sau đó phần lớn họ phải ly dị vợ vì bà bị bắt gặp “hủ hóa” với người Pháp. Đây có thể là mối ưu tư về đại họa ngôn ngữ mà học giả Phạm Quỳnh đã nhìn thấy rồi lên tiếng cảnh giác người dân Việt từ 1917 trên Nguyệt san Nam Phong qua câu:” Truyện Kiều còn thì tiếng ta còn. Tiếng ta còn thì nước ta còn.”[14]

Phạm tiên sinh có lý khi chọn truyện Kiều của Tiên Điền Nguyễn Du (1765-1820) làm nền cho câu nói của mình. Từ những triều đại Đinh, (Tiền)Lê, Lý, Trần, (Hậu)Lê, rồi Nguyễn cho đến về sau, văn học Việt Nam đã trải qua nhiều danh xưng theo thứ tự như: từ chương, khoa bảng, tân phục hưng Đông phương, lãng mạn, đấu tranh, chính ủy, và đối kháng sau 30 năm nội chiến rồi lưu vong cho đến nay. Trong nền văn học tân phục hưng Đông phương, (Thời Nguyễn Huệ phá quân Thanh) truyện *Kiều* xuất hiện như một kiệt tác rồi giữ địa vị độc tôn cho đến nay. Lý do là tác giả dùng thể lục bát là *thể thơ tinh tuyền Việt Nam*, nghe hay, dễ nhớ, và những tiếng đối với ngữ nghĩa đặc biệt uyển chuyển cũng như duyên dáng trong tiếng Nôm [15]. Cho nên khác với *Chinh Phụ Ngâm* (thể song thất lục bát) của nữ sĩ Đoàn thị Điểm 100 năm trước *Kiều*, và những vần thơ tứ tuyệt bốn câu, hay thất ngôn bát cú mang nét dí dỏm dân gian của nữ sĩ Hồ xuân Hương 7 năm trước *Kiều*, riêng *Kiều* được truyền tụng trong đại chúng đến độ tôn kính mà “Bói Kiều” là một thí dụ. Cổ thi sĩ Bùi Giáng cho biết ông từng học nằm lòng toàn bộ *Kiều* để nương theo văn phong đó mà làm thơ của mình. Và có lẽ ông thuộc một số ít người Việt còn biết giá trị thi ca của những *từ ngữ mang hồn Việt* trong tiếng Nôm mà Tiên Điền tiên sinh, và những đại văn hào thời của ông, như những phù thủy ngôn ngữ, đã sử dụng đúng chỗ, chính xác để gây xúc động cho người nghe một cách thần kỳ.

Thế nhưng, vì thời đại của Phạm tiên sinh không nhiều thông tin về ngữ học như nhiều thập niên về sau, nên không ai nghĩ rằng vào giai đoạn giao mùa giữa thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21, tại nhiều nơi trên thế giới có 60% đến 80% ngôn ngữ lai căn đến độ bị xem như đã biến mất trước mắt ba đời tổ tiên, nếu tổ tiên có sống dậy [16]. Lý do ngôn ngữ là thực thể sinh động, luôn chuyển thể theo dịch lý để tồn tại. Khoa học kỹ thuật đã điện toán hóa sinh hoạt hàng ngày của con người từ các thành phố đến khắp hang cùng ngõ hẻm trên thế giới. Các kỹ thuật gia tại những nước có nền công nghiệp cao khi nghĩ ra ra máy móc và những loại cơ giới đặc dụng trong đời sống mới của con người, phải liên tục bổ sung trữ lượng từ vựng của mình với nhiều danh từ hay động từ mới, với nghĩa mới, chưa từng xuất hiện trong bất cứ từ điển nào trước đó. Cho nên người vài ba thế hệ trước, nếu không học từ vựng mới, không sao còn hiểu được chữ nghĩa của con cháu của mình đang dùng hiện nay.

Tại Hoa Kỳ, một nước công nghiệp tiến bộ hàng đầu, số từ vựng mới này nhiều đến nỗi một người Mỹ từng tốt nghiệp Đại học than:” Tôi phải nghe phát thanh và xem TV, đọc báo hàng ngày để theo dõi, nhận dạng và hiểu nghĩa của những từ mới. Tiếng nhà nghề (slang) LOL bây giờ là Laugh Out Loudly, SSS là Speak Slowly Stupid, REJASE là Reuse Junks As Something Else, SNAFU là Situation Normal All Fooled Up! (Xem Phụ đính III) Nếu tôi ngưng làm như vậy trong vòng hai tháng thì tôi sẽ khó thể hiểu những gì truyền thông họ nói trên đài và viết trên báo.” Lời nói mới nghe có vẻ cường điệu, nhưng nay nếu ở Hoa Kỳ nửa năm mà không đọc báo tiếng Anh-Mỹ thì dễ bị sa vào trường hợp của ông người Mỹ này. Có thể do thế mà nhà xuất bản tự điển Mariam Webster’s phải vội vàng biên tập một tự điển mới (2012) thay cho Từ điển cùng loại năm 2008 để giúp các sinh viên học sinh theo kịp ngôn ngữ tân tạo.

Thêm vào đó, cuộc cách mạng điện số (digital revolution) đang cải tạo xã hội loài người đến mức chưa từng thấy. Nó làm thay đổi cách mua sắm, nghe tin tức, nhạc, phim, báo chí, luôn cả đọc sách và học hàm thụ chương trình Đại học mà không phải tốn trung bình \$50,000/năm và còn tăng, cũng như khỏi phải thuê phòng gần trường hay vào nội trú. Hiện nay, muốn mua món hàng nào dùng trong sinh hoạt hàng ngày thì vào địa chỉ *Amazon.com* tìm là có nhiều mẫu hàng và luôn giá cả để lựa chọn, hàng mua sẽ được gửi đến tận nhà trong thời gian ngắn kỷ lục. Muốn biết bất cứ một tin loại nào đang xảy ra trên thế giới, chỉ cần vào *Google.com* tìm là có. Thận chí muốn biết trong xóm mình đang ở , ai, tên gì, ở nhà số mấy, gồm mấy người và cả số điện thoại mới nhất! Âm nhạc, phim ảnh ngày nay cũng được đưa vào bộ nhớ của máy điện toán, điện thoại để dành nghe và xem khi có giờ rảnh. Toàn bộ số chữ của sách, kể cả tự điển loại đồ sộ hàng triệu chữ, ngày nay cũng được cho vào một máy cầm tay, thí dụ loại Kindlefire, nặng khoảng 200 gr [17], nét chữ rõ ràng, với trữ lượng chữ bằng hàng ngàn cuốn sách, nếu mua thì thành sở hữu vừa công kênh, chiếm nhiều chỗ, vừa nặng nề, mỗi lần di chuyển phải mất nhiều công. Giáo sư Sebastian Thrun, trường Đại học Stanford, nhận dạy miễn phí khoa vi tính trên mạng. Theo gương ông Bill Gates đã kinh qua cấp Đại học mà thành tỉ phú, ông Sebastian cho rằng, ”Chúng chỉ Đại học đầy rẫy rồi sẽ không còn giá trị, và con người vào mọi lứa tuổi có thể thường xuyên trở lại trường cập nhật hóa hiểu biết của mình theo chương trình Đại học trên mạng[18].”

Để làm được như trên, máy vi tính phải giản đơn hóa từ vựng chuyên môn thành từ ngữ mới với số lượng ngày càng nhiều. Các nơi có ngôn ngữ yếu bắt buộc phải tiếp nhận tiếng mới làm tiếng *kiểu cư* (alien) để dùng tạm. Khi dùng lâu ngày thành quen thì tiếng *kiểu cư* đó sẽ thành tiếng *nhập cư* (citizen) hay *cư dân chính thức* (denizen) rồi thành từ vựng của ngôn ngữ của mình. Càng lâu về sau, số *cư dân chính thức* này sẽ loại bỏ số từ vựng gốc của ngôn ngữ của ông cha. Đa số *công dân mạng* (netizen) trên thế giới—trừ một ít số nước nói tiếng Anh— sẽ dùng tiếng mới của nước người hầu như hàng ngày. Hệ tư duy của họ cũng sẽ vô hình trung ngả theo theo ngôn ngữ mới và họ dễ thành mất gốc, bị lệ thuộc vào quốc gia đã chế ra từ vựng cho mình dùng, nên đâm ra thích những gì ngoại lai nhưng hữu dụng đối với bản thân[19]. Dùng tiền của ai thì phải bị lệ thuộc tài chánh vào và nghe lệnh từ người đó. Dùng từ vựng của nước nào tất nhiên cũng phải bị lệ thuộc vào văn hóa của người đó. Lý do là văn hóa và ngôn ngữ là hai thực thể không thể tách rời. Khi đã bị chìm vào văn hóa của người rồi thì đại đa số chỉ còn mình ở phần xác, nhưng về hồn thì đã thuộc về người tự bao giờ, điều ít ai để ý

[20]. Khi đó thì con người từ từ bị *điều kiện hóa* (conditionalized)[21] mà học giả Trần trọng Kim từ nửa thế kỷ trước gọi với từ ngữ nhẹ nhàng hơn là *bị người ta cảm hóa* (sympathized).

Trong lời tựa của *Việt Nam Sử Lược*, tác giả Trần trọng Kim viết: " *Sử của mình đã không hay mà người mình lại không mấy người biết sử. Là vì cái cách học tập của mình làm theo người mình khó thể biết được sử của mình. Bất kỳ lớn nhỏ, hễ ai cấp quyền sách đi học thì chỉ học sử Trung Hoa chứ không học sử nước nhà. Rồi thơ, phú, văn chương gì cũng lấy điển tích ở sử Trung Hoa, chứ chuyện nước mình thì nhất thiết không nói đến. Người mình có ý lấy chuyện nước nhà làm nhỏ mọn không cần phải biết làm gì. Ấy cũng vì xưa nay mình không có quốc văn, chung thân chỉ đi mượn tiếng người, chữ người mà học, việc gì cũng **bị người ta cảm hóa**, chứ tự mình không có gì đặc sắc...." Mạnh Tử được trích với câu *Tận tín thư bất như vô thư*. (Đọc sách mà quá tin vào sách thì thà rằng đừng đọc thì tốt hơn) Không phải tất cả những gì người xưa nói là đúng với cách suy tư của hậu thế khi bị cuốn theo theo thời gian và bước tiến của bánh xe tiến hóa. Thế nhưng, lời của Lê Thần tiên sinh nói đúng hai điều. Một là bị cảm hóa và hai là người mình không có gì đặc sắc khiến người nể trọng.*

Sự cảm hóa này muốn ám chỉ văn hóa Trung Hoa sau ngàn năm đô hộ đã ảnh hưởng của đến hầu như toàn bộ nếp sống quan trọng của người Việt Nam, sâu đậm nhất là văn học, kiến trúc, tín ngưỡng, và cả tinh thần cực đoan trong hành động. Tuy Việt Nam giành được quyền tự chủ từ thế kỷ 11 công nguyên nhưng tiếng Hán vẫn còn là tiếng của vua quan; cung đình, lăng miếu, chùa đình là bản sao của kiến trúc Trung Hoa; tiếng nói của Khổng Mạnh ngự trị các kỳ thi cử chọn người làm quan cho đến ít ra cũng là đầu thế kỷ 19. Trong văn học Việt Nam thời tiền chiến, tác phẩm *Lều Chông* tố cáo cái tệ hại cùng cực của nền văn học này theo lời của chính tác giả như sau: "'*Lều*" "*Chông*" đã làm chủ vận mệnh của giang sơn cũ kỹ mà người ta tán khoe là "bốn nghìn năm văn hiến". Những ông ngồi trong miếu đường làm rường cột cho nhà nước, những ông ở nơi tuyền thạch, làm khuôn mẫu cho đạo đức phong hóa, đều ở trong đám "lều chông" mà ra. Lều chông với nước Việt Nam chẳng khác một đôi tạo vật đã chế tạo đủ các hạng người hữu dụng hay vô dụng. Chính nó đã làm cho nước Việt Nam trở nên một nước có văn hóa. Rồi lại chúng nó đã đưa nước Việt Nam đến chỗ diệt vong. Với chúng, nước Việt Nam trong một thời kỳ rất dài kinh qua nhiều cảnh tượng kỳ quái, khiến cho người ta phải cười, phải khóc, phải rụng rời hồn vía. NGÔ TẮT TỐ. Thời vụ số 109 ra ngày 10-3-1939"[22]. Sang đến thời Pháp thuộc thì, tuy tiếng Pháp và văn minh Tây phương là tương đối mạnh hơn văn minh Trung Hoa thời đó, nhưng cũng không hoàn toàn xóa bỏ tàn tích nền văn hóa Bắc phương một cách nhanh chóng. Trong *Barrack-room ballads*(1892), văn gia Ruyard Kipling người Anh được trích câu nói "*Đông là Đông, Tây là Tây, cả hai không thể gặp nhau.*" Câu nói này tuy ám chỉ sự thiếu hiểu biết giữa người Anh và người Ấn độ [23], nhưng cũng có thể đúng cho tư tưởng khác biệt Đông Tây trong trường hợp nước Việt Nam.

Còn về việc người Việt Nam có gì đặc sắc mang tính chất thời đại làm lợi thực tiễn cho nhân quần thế giới thì chưa thấy. Điều này có thể là do Việt Nam có nền học vấn mà thiếu nền học thuật. Học vấn giúp đào tạo nhà trí thức biết cái nguyên lý của từng sự việc. trong khi học thuật giúp đào tạo nhà tư tưởng biết rõ cái nguyên ủy của mọi sự việc và theo đó mà lập thuyết hay lập giáo. Việt Nam dường như chưa có những bậc hạng sau này. Các tôn giáo và đạo giáo lớn của Việt Nam đều do ngoại nhập. Benarès quê hương của Đức Phật Gotama, Jerusalem quê

hương của Ngài Jesus cũng như nước Lũ của Khổng tử và Mạnh Tử nằm xa Việt Nam khoảng cách gọi là khá xa. Sự thật địa dư này làm sao chối bỏ! Việt Nam chịu ảnh hưởng tôn giáo và đạo giáo có nguồn gốc ngoại lai, nhưng riêng có đạo thờ trời (Ông Thiên) và thờ ông bà là xem như của riêng người Việt Nam ta từ ngàn xưa, nay ít ai còn nhớ đến. Nội tiếng Việt thiếu từ vựng mà phải vay mượn từ vựng của người, hay phải tự chế ra những tiếng loại thời thượng (nonce words) để dùng tạm cho riêng người Việt Nam thì không liên quan gì đến thế giới năm châu.

Theo Tu Dinh & Vo Cao, tác giả của *Văn phạm & Ngôn ngữ Việt Nam* thì trữ lượng từ vựng tiếng đời Việt Nam bị bỏ hoang chưa dùng đến là 403 triệu đơn vị! Thế nhưng, con số này không giúp ích chi nhiều khi hiện nay, người Việt nói chung, chưa có đủ cơ sở khoa học cũng như phương tiện sản xuất tinh vi để tự mình chế ra những thứ mà nhân loại trên thế giới đang cần cho phúc lợi của mình. Nhu cầu cho phúc lợi này được hiểu theo quan niệm của thời đại hiện nay, là những gì có liên quan thiết thực đến an lạc đời sống của con người. Những khoa học gia Việt Nam, trong cũng như ngoài nước, đã có nỗ lực mang lại một số thành tựu nổi bật được nhiều nơi biết đến. Nhưng chưa nơi nào trên thế giới thấy đó có liên quan đến những thứ số đông đang trông đợi thí dụ như máy *iPod*, *iPhone*, *iPAD* đời mới, hay máy vi tính có tên là *Glass*. Máy này đang dự trù sẽ thay thế các máy vi tính loại PC (để bàn) hay loại laptop (để trên đùi) trong tương lai không xa. Hiện nay thì máy *iPhone-5* kích thước chưa bằng bàn tay người lớn, đã được bày bán trong bốn ngày tính đến 24 tháng 9, năm 2012 là 5 triệu máy và còn đang tăng. Những loại máy mới này có chức năng giúp con người sống và làm việc 24 giờ trong ngày một cách ít tốn thời giờ, với nhiều thoải mái, quên đi tất cả những thứ nghe không vui, tin về chiến tranh nơi này nơi nọ mà không ai ngăn nổi, tự do, XHCN, hay độc tài không còn là vấn đề quan trọng (!). Tư duy nhân loại thay đổi sau mỗi lần thế giới có biến động lớn. Sau Thế chiến 2 thì văn hóa đối kháng thành hình. Nay thì nhân loại đang chán ngán đối với suy thoái kinh tế và nhiều thứ khác trên toàn cầu nên thu mình vào cái vỏ ngôn ngữ mới, khiến những ngôn ngữ thuộc loại yếu sẽ nhanh chóng lâm vào trường hợp hấp hối ngôn ngữ là điều dễ hiểu. Russ Rymer trong *Vanishing Voices* đăng trên *National Geographic* tháng 6 năm 2012, nói hiện nay trên thế giới còn tồn tại trên dưới 7000 ngôn ngữ khác nhau. Trong đó, mỗi 14 ngày thì có một ngôn ngữ mất đi. Và cho đến thế kỷ liền kế thì trong tổng số 7000 ngôn ngữ chỉ còn độ 10 là còn được sử dụng trên thế giới. Ngoại trừ nước Đức (90 triệu dân) đang có nền kỹ thuật cao về nhiều mặt, 9 quốc gia còn lại mỗi nơi có trên 100 triệu dân nói tiếng của mình như Nhật, Nga, Bồ đào Nha, Bengali, Hindi, Arabic, Anh, Y Pha Nho và Trung hoa. Nhưng Trung Hoa cũng không nên coi thường việc này, vì hiện nay số người Hoa nói tiếng Anh là nhiều hơn dân số Hoa Kỳ và Anh nhập lại: Họ có đến 1,213 triệu dân, trong khi Anh và Mỹ nhập lại chưa đến 400 triệu!

Tại một số quốc gia gồm Tân Cương, Tây Tạng, và một số nơi khác, tiếng Trung Hoa hiện nay được giảng dạy tại các học đường từ cấp sơ, tiểu học. Loại chữ này cũng xuất hiện trên các bảng hiệu, tên phố, chùa đình, địa điểm du lịch Đó là một hiện tượng ngữ học đáng quan tâm. Người Nhật trong chương trình giáo dục có môn tiếng Hán như nhiều thứ tiếng khác. Họ cũng dùng chữ Hán trên những bảng hiệu, những biểu ngữ quan trọng trong những cuộc hội nghị có đại diện thế giới tham dự [24]. Nhưng nền văn minh cũng như kỹ thuật của họ cao hơn của Trung Hoa, nên họ không sợ bị đồng hóa rồi bị *điều kiện hóa* theo ý muốn của Trung Hoa. Tại những nơi khác thì không được có cái may mắn như vậy. Trong vài thế hệ nữa, nếu không có

thay đổi nào đáng kể thì dân chúng tại Tân Cương, Tây Tạng và nhiều nơi khác cùng chung tình trạng, sẽ bị ép dùng hàng hóa sản xuất từ Trung Hoa, ăn thức ăn biến chế từ Trung Hoa, chính thức dùng tiếng Trung Hoa trong mọi mặt sinh hoạt hàng ngày, để rồi vô hình trung, về mặt tinh thần, đất nước của họ sẽ lần hồi sáp nhập vào địa dư nước Trung Hoa một cách đương nhiên.

Từ hàng trăm hàng ngàn năm nay, các nước có thể và lực luôn đeo đuổi chiến tranh tiền tệ (Currency War) để chinh phục các nơi có nguồn tài nguyên quý giá đáp ứng được quyền lợi của họ. Ngày nay có thêm chiến tranh ngôn ngữ để gồm thu thiên hạ. Năm 1887, giáo sư Leizer L. Zamenhof người Ba Lan chế ra tiếng Esperanto, dùng cho mọi sắc dân trên thế giới. Đó là một thứ tiếng có pha trộn từ vựng của nhiều ngôn ngữ khác nhau, với vần “O” thường nằm ở cuối chữ. Dù cho nó từng được dùng để dịch Kinh Thánh (Công giáo) và những đại tác phẩm văn học khác, chỉ thời gian không lâu về sau thì tiếng này không còn được thế giới xem là cần thiết. Ngày nay thì khác. Ngôn ngữ đã thành loại vũ khí chinh phục thềm lặng trên mặt trận văn hóa, trong đó kinh tế chiếm hàng đầu —kinh tế cũng nằm trong văn hóa. Theo bài viết của Russ Rymer thì tiếng nói của những quốc gia ngoài 10 nước nói trên đây, kể như không còn nguyên trạng. Những từ vựng được tạo ra theo văn hóa xứ người sẽ tràn ngập chúng. Nếu ngôn ngữ bản địa có còn thì cũng như không trước con mắt thế giới. Tương lai các dân tộc không sẵn có một sinh lực mạnh và một nền văn minh tiến bộ vượt bực mà phải nói những thứ tiếng *Đầu Ngô mình Sở* đó sẽ lâm vào tình trạng ra sao nếu không phải độc lập ở vỏ ngoài nhưng nô lệ từ bên trong.

## ***Tiểu Đĩnh***

## PHU ĐÍNH I

Bản A:

NGÔN NGỮ	QUỐC GIA	DÂN SỐ	SỐ BỘ LẠC
Afrikaans	1- South Africa	33.2 Mil.	4
Amharic	1- Ethiopia	73.0 Mil.	8
Arabic	1- Algeria	32.5 Mil.	2
	2- Egypt	57.6	2
	3- Libya	5.7	2
	4- Mauritania	3.0	3
	5- Morocco	32.7	2
	6- Sudan	40.1	3
	7- Tunisia	10.1	7
Anh	1- Botswana	1.6	3
	2- Cameroon	16.9	6
	3- Gambia	0.8	5
	4- Ghana	14.4	6
	5- Kenya	32.8	7
	6- Lesotho	2.0	2
	7- Liberia	2.9	3
	8- Malawi	12.0	9
	9- Namibia	2.0	5
	10- Nigeria	128.7	>200
	11- Rwanda	8.5	3
	12- Sierra Leone	5.8	>6
	13- Swaziland	1.1	2
	14- Tanzania	36.7	4
	15- Uganda	27.2	>5
	16- Zimbabwe	12.2	2
Pháp	1- Benin	7.63	42
	2- Burkina	13.5	7
	3- Central African Rep.	4.2	7
	4- Chad	9.6	200
	5- Congo/ Zaire	60.7	200
	6- Congo Rep.	3.6	4
	7- Cote d'Ivoire	17.3	5
	8- Djibouti	0.5	2
	9- Gabon	1.2	3
	10- Guinea Rep.	9.4	3
	11- Madagascar	18.0	4
	12- Mali	11.4	4
	13- Niger	12.0	5
	14- Senegal	11.7	6
	15- Togo	5.3	37
Bồ	1- Angola	11.8	3
	2- Guinea Bissau	1.5	5
	3- Mozambique	19.5	5
Somali	1- Somalia	8.5	2

Bản B: Tình trạng ngôn ngữ tại một số quốc gia hải đảo (Theo *Almanac of the World-2009*)

TÊN NƯỚC (Hải đảo)	VỊ TRÍ	DÂN SỐ THEO ĐƠN VỊ (Số triệu)	NGÔN NGỮ (Chính thức)
Barbados	Tây Đại Tây Dương	0.32	Anh
Đông Timor	Nam Thái Bình Dương	1.17	Bồ đào Nha /Tetum
Fiji	Tây Thái Bình Dương	0.89	Anh
Haiti	Tây Đại Tây Dương	8.10	Pháp/Creole
Kiribati	Trung Thái Bình Dương	0.13	Anh
Mauritius	Ấn Độ Dương	1.25	Anh/Creole
Naru	Tây Thái Bình Dương	0.13	Anh
Samoa	Nam Thái Bình Dương	0.18	Anh
Solomon	Nam Thái Bình Dương	0.54	Anh
Sao Tomé	Nam Đại Tây Dương	0.19	Bồ đào Nha
Suriname	Nam Đại Tây Dương	0.44	Hòa Lan
Tahiti	Nam Thái Bình Dương	0.13	Pháp
Tonga	Nam Đại Tây Dương	0.12	Anh
Trinidad	Tây Đại Tây Dương	1.07	Anh/Hindi

(Trong Bản A, ta thấy những nơi có dân số dưới 1 triệu là bị mất tiếng nói của mình. Trong khi đó, những nơi có dân số hơn 1 triệu thì có ngôn ngữ song hành gồm một tiếng mẫu quốc và một thổ ngữ địa phương.)

## **PHU ĐÍNH II**

TIẾNG TẠP NGỮ VIỆT -PHÁP  
(Thấy trên mạng)

*Je t'écris* tình thơ *une lettre*  
 Để cho mình *connaitre mon coeur*  
*Depuis que* mình *quitter "Je"*  
*Bonheur* cũng lắm mà *malheur* cũng nhiều

*Ici* nhận dạy *danser*  
*Mener trois mois* cam đoan thành tài  
*La vies* ở sờ xoay xoay  
 Họa chẳng thể này *moi* được *le riz*  
*Sincère* Anh hỏi *Chérie*  
 Phương này áp dụng được *oui ou non?*  
 Đợi chờ *vous* gửi *réponse*  
 Chúc *vous* vui vẻ tấm lòng *fidèle*

*Poupée* yêu quý của *Moi*:  
*Le temps* ngày tháng xuôi dòng  
 Công phu kết quả thoả lòng *rêver*  
 Trả thầy anh đã *quitter*  
*Le cours* thầy dạy *moi* về Pháp Văn

*Le bonze* tiếng gọi sư tăng  
*Aimer* yêu dấu, *la femme* má hồng  
*Ce sont des* chữ thông thường  
*Que* anh đã học tỏ tường vân vân  
*Succès* dẫu có đôi phần  
*Chômer* Anh vẫn còn *sans* việc làm  
*Divers* hăng Sở nộ đờn  
*Moi* đều thất bại *demande* trả về  
Lòng sầu *larmes* muốn *tomber*  
Lời đau mà cạn mọi bề *douleur*  
*Ennui* tràn cả *le coeur*  
Òuà kiếm việc bây giờ *Chérie*

### **PHU ĐÍNH III**

(Một số tiếng thông dụng trên mạng hiện nay)

<b>Other terms relating to 'laugh':</b>	
ALOL	Actually Laughing Out Loud
ALWP	Actual Laughter Was Produced
ARF	Laugh
BAGL	Bust A Gut Laughing
BAHAHA	Evil laugh
BLOL	Big Laugh Out Loud
BWL	Bursting With Laughter
CREASING	Laughing
CSL	Can't stop laughing
DLAM	Don't Laugh At Me
DMML	Don't Make Me Laugh
DOL	Dying Of Laughter
DWL	Dying With Laughter
ELOL	Evil Laugh Out Loud
EVL	Evil Laugh
FL	Fake Laugh
FOCL	Falling Off Chair Laughing
FOFL	Falling On Floor Laughing

FOMCL	Falling Off My Chair Laughing
HA	Sarcastic laugh
HAFL	Heart Attack From Laughing
HAR	Sarcastic laugh
HEH	Cynical laugh
IAL	I Ain't Laughing I Actually Laughed
ICSL	I Couldn't/Can't Stop Laughing
IJL	I Just Laughed
IMML	It Made Me Laugh
J4L	Just for Laughs
JAJA	Spanish laugh
KML	Killing Myself Laughing
KMSL	Killing Myself Laughing
L	Laugh (Continued) ...

[1] Những từ *morpheme, toneme, lecteme, lexeme, allomorph, monomorphic*, ...không có tiếng tương đương trong Việt ngữ, nên phải vay mượn chúng bên tiếng Trung Hoa để dùng một cách hạn chế.

[2] Hiện nay tiếng Hebrew đã và đang được phục hồi tại Do Thái.

[3] Michael E. Krauss (1934-) nhà ngôn ngữ học chuyên về ngôn ngữ Eskimo-Aleut.

[4] Theo động vật học (Zoology), khi một loài thú chỉ còn từ 300 đến 500 con thì loại thú đó được xem sắp bị tuyệt chủng.

[5] Ở địa danh Parker, bang Arizona (Hoa Kỳ) ông Johnny Hill, Jr. là người duy nhất còn sử dụng thổ ngữ Chemehuevi của tổ tiên người Da Đỏ. “*Đó giống như con chim trụi lông. Nó bay ngang rồi biến luôn!*” ông nói với tiếng thổ dài.

[6] Quand vous étiez à Saigon, Monsieur Paul était venu vous chercher pour vous donner la lettre de votre femme en France .”

[7] Pigeon là bồ câu đưa thư với những chữ viết tắt, ngắn gọn.

[8] Nay là Lebanon và Syria.

[9] Thí dụ:

a- Singlish (Chinese + English)= *Nhĩn áo Coke hãĩ shũ Beer?* (You fancy cook or beer?)

b- Japlish (Japanese + English) = *Sayonara my dear.* (So long, my dear!)

c- Spanglish (Spanish+ English) = *Como este your dad?* (How is your daddy?)

d- Boatlish (Boat people+ English)= *Tao biếu mày mu, woi mày no mu?* ( I told you to move (your car), why you haven't moved it?)

[10] Pidgin đa ngôn ngữ = **Mai này** (Việt) go Bolsa **eat** (Anh) **tĩm sum**(Trung Hoa = tìm sấm), OK?

[11] Gullah là tiếng lai căn do người Mỹ gốc Phi Châu làm ra để dùng giữa họ với nhau và tại các hải đảo và vùng duyên hải phía Đông nước Mỹ, nơi có người từ Phi châu sang. Gullah còn có tên AAVE (African American Vernacular English). Trong tiếng Anh-Mỹ, những từ *goober, gumbo, tote and yam* .. được mượn từ Gullah.

Vài thí dụ ngôn ngữ Gullah (Creole-English):

*Uh gwine gone dey tomorruh*; "I will go there tomorrow (I'm going to go there tomorrow)  
*We blan ketch 'nuf cootuh dey*. "We always catch a lot of turtles there."  
*Dem yent yeddy wuh oonuh say*. " They did not hear what you said."  
*'E tell'um say 'e haffuh do'um*. "He told him that he had to do it."

[12] Thí dụ tiếng Creole-French:

" *Lévé pié AW*. Ni ti Moun Ka *joué Là !*" nghĩa tiếng Pháp là = Levez votre pied. Il y ont des enfants qui jouent là-bas! (Cẩn thận. Đi chậm lại. Trẻ em đang chơi đằng kia)

[13] Thời chủ nghĩa thuộc địa cũ đang bành trướng mạnh tại Phi Châu, nước Somalia không có tài nguyên quý và dễ khai thác nên không bị các nước Âu Châu chiếu cố lấy làm thuộc địa. Thiếu tiếp xúc với văn minh Tây Phương nên thành kém mở mang, lấy cướp biển là nghề sinh sống.

[14] Đây có thể là bằng chứng cho việc những nhà phê bình văn học Việt Nam cho rằng ông Phạm Quỳnh hợp tác với Pháp để chống Pháp một cách ôn hòa và văn minh tức là không gây đổ máu.

[15] Tiếng Nôm duyên dáng nhưng kém súc tích. Tiếng Hán súc tích nhưng kém duyên dáng. Hai thứ hợp lại thành ra tiếng Việt Nam. Truyện Kiều có gốc từ Thanh Tâm Tài Nhân của Trung hoa, nhưng được diễn dịch phần lớn bằng tiếng Nôm.

Một trong nhiều thí dụ:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm*

*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa*

Hai câu thơ tuyệt đẹp này là toàn Nôm.

[16] Nhiều người Việt Nam xa xứ chưa đầy 40 năm mà nay nhận thấy không còn hiểu rõ từ vựng mới của tiếng Việt trong nước, tiếng nói của 80 triệu dân chúng.

[17] Thí dụ sách tựa *Hồi Ký Huỳnh văn Lang* Tập I, nặng 1.3 pound, tức là hơn 1000 gr.

[18] "The idea of a degree is that you spend a fixed time right after high school to educate yourself for the rest of your career....is not valid anymore. In the future people will return to college throughout their lives, updating what they know through online courses."— *Could the Web replace Universities* (Báo *The Week* của tuần báo *Time*)

[19] Ngày nay không ít người quen lên mạng điện toán toàn cầu phải than rằng họ "Đã bị hút vào các công ty Yahoo, Amazon, và Google đến độ không thể thiếu chúng trong cuộc sống hàng ngày. Như thế là phải thuộc từ vựng của họ đặt ra. Tiếng Việt thì ít có dịp mó đến. Truyền thông Việt Nam chỉ có lặp lại những gì người đã nói rồi."

[20] Thí dụ một ngày nào công ty Yahoo, Google, Amazon, hay FaceBook...tuyên bố phá sản dẹp tiệm thì có thể xem đó là đại tang chung cho không ít người trên thế giới.

[21] Điều kiện hóa (conditionalism) là dùng một hay nhiều quyền lợi để ép buộc con người khác nhận điều kiện mình đặt ra. Ý niệm này từ xưa nằm trong đường lối tuyên truyền của nhiều tôn giáo (religious conditionalism) Ngày nay những nhà chính trị cũng theo quan niệm này để mua lá phiếu bầu của người dân. Do đó mà trong những cuộc bầu cử, phe nào vận động được nhiều tiền để gián tiếp qua truyền thông được trả tiền hậu hĩ để mua phiếu hay mua cảm tình của người dân thì có nhiều cơ hội để thắng đối phương. Những nhà chính trị đó coi người dân của họ không khác gì chó của Ivan Palov! Đó là mặt vô luân cùng cực của chính trị.

[22] Trích từ Wikipedia.

[23] Truyện *A passage to India* của E.M. Forster có nhắc đến câu của Ruyard Kipling đã gây ra sự thiếu thông cảm giữa người Anh và người Ấn dưới thời người Anh cai trị Ấn Độ cho đến 1947.

[24] Một số người Nhật khi được hỏi vì sao, khác với người Đại Hàn, người Nhật nay còn dùng chữ Hán thì nghe nói: "Tiếng Hán tự nó là thư bút, mỗi chữ là một bức tranh có đủ người, cây, hoa lá, mây mưa, cá, chim, chó, ngựa, dê. Chúng tôi không chỉ học tiếng Hán mà còn học cả sử của người Hán để hiểu họ rõ hơn, hầu giữ mối giao hảo với họ mà không phải bị thiệt. Luân lý của mọi nền bang giao quốc tế là tư lợi." Nghe câu này mới hiểu vì sao cổ giáo sư Nguyễn ngọc Huy ngày trước là người biết rõ lịch sử nhiều nước, đứng đầu là sử Trung Hoa từ đời Thương, Chu, Hạ cho đến sau cách mạng Tân Hợi (1911) và tiếp tục.